TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 195/2017/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 05 tháng 12 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số số 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa:

- Người yêu cầu:

+ Ông **Trần Quốc N.** Sinh năm: 1991. Trú tại: số nhà 16/9 Hà Bổng, tổ 08 (cũ), phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

+ Bà **Bùi Thị Quỳnh T.** Sinh năm: 1993. Trú tại: 463/3 Trưng Nữ Vương, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T (giấy chứng nhận kết hôn số 34/2013, quyển số 01/2013, ngày 07 tháng 5 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T xác định có 01 con chung tên: Trần Quỳnh N, sinh ngày 15 tháng 6 năm 2013. Ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Bùi Thị Quỳnh T nuôi dưỡng. Ông Trần Quốc N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1000.000đ cho đến khi con chung của ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 30 hàng tháng, bắt đầu vào ngày 30.12.2017.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T xác định không có.

- Về nợ chung: Ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T xác định không có.

- Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Trần Quốc N và bà Bùi Thị Quỳnh T thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) ông N và bà T đã nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng theo biên lai số 08318 ngày 17.11.2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S ;
- Chi cục THADS quận S ;
- UBND phường P, quận S ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Phước Hòa